

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHANG BÌNH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHANG BÌNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM CHANG BÌNH AN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502505521

**3. Ngày thành lập:** 17/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 16, Thôn Phước Tân, Xã Tân Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0906304057

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                           | 4511        |
| 2.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                    | 4520        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                           | 4631        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                     | 4632(Chính) |
| 6.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 7.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                    | 4634        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm,...                                          | 4649        |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                             | 4661        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                   | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                            | 6810                                                         |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                               | 6820                                                         |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                              | 7110                                                         |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                           | 7710                                                         |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                          | 4791                                                         |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                              | 4931                                                         |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                               | 4932                                                         |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                      | 5630                                                         |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                   | 7730                                                         |
| 21. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                               | 7830                                                         |
| 22. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                | 8129                                                         |
| 23. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                            | 8211                                                         |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                       | 3312                                                         |
| 25. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị, phụ tùng                                                                                                                                                         | 3319                                                         |
| 26. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                   | 3811                                                         |
| 27. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                         | 3821                                                         |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                              | 4222                                                         |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật                                                                                    | 4299                                                         |
| 30. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: CHANG TIÊU BÌNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/01/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077185008073

Ngày cấp: 07/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: thôn Phước Long, Xã Tân Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: thôn Phước Long, Xã Tân Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHANG TIÊU BÌNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077185008073

Ngày cấp: 07/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: thôn Phước Long, Xã Tân Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: thôn Phước Long, Xã Tân Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu